

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai số liệu quyết toán thu, chi ngân sách năm 2016.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN IA PA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2005/TT-BTC ngày 06/01/2005 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước và chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của Hội đồng nhân dân huyện Ia Pa về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2016;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch tại Văn bản số 287/TCKH-QLNS ngày 24/8/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu quyết toán thu, chi ngân sách năm 2016, như sau:

(có các biểu kèm theo)

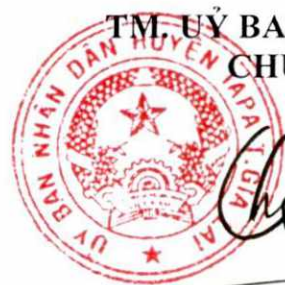
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- Các đơn vị dự toán huyện;
- Mặt trận và các đoàn thể huyện;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện;
- Toà án nhân dân huyện;
- UBND các xã;
- Lưu VT. *14*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thế Hùng

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 28 / 8 / 2017 của UBND huyện Ia Pa)



Đvt: triệu đồng.

STT	Chỉ tiêu	Quyết toán
A	Tổng thu NSNN trên địa bàn	13.464,7
	Thu nội địa	13.464,7
B	Thu ngân sách địa phương	310.372,5
1	Thu NS địa phương hưởng theo phân cấp	9.760,3
	- Các khoản thu NSDP hưởng 100%	8.000,7
	- Các khoản thu NSDP hưởng theo tỷ lệ %	540,3
	- Các khoản thu thông qua NS	1.219,3
2	Bổ sung từ ngân sách tỉnh	235.422,6
	- Bổ sung cân đối	186.837,0
	- Bổ sung có mục tiêu	48.585,6
3	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước	47.316,5
4	Thu kết dư ngân sách năm trước	17.873,2
C	Chi ngân sách địa phương	289.324,2
1	Chi đầu tư phát triển	24.280,9
2	Chi thường xuyên	213.934,7
3	Chi thông qua ngân sách	1.219,3
4	Dự phòng	
5	Chi từ nguồn kết dư	
6	Chi chuyển nguồn	45.587,2
7	Chi hoàn trả theo quyết định cơ quan thuế	212,7
8	Chi nộp NS cấp trên	4.089,3

**CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
VÀ NGÂN SÁCH CÁC XÃ NĂM 2016**

(Kèm theo Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 28 / 8 / 2017 của UBND huyện Ia Pa)

Đvt: triệu đồng.

STT	Chỉ tiêu	Quyết toán
A	<u>Ngân sách cấp huyện</u>	
I	<u>Nguồn thu ngân sách cấp huyện</u>	299.580,6
1	Thu ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	5.974,7
	- Các khoản thu ngân NS huyện hưởng 100%	5.892,2
	- Các khoản thu phân chia NS cấp huyện hưởng theo tỷ lệ %	82,6
2	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	235.422,6
	- Bổ sung cân đối	186.837,0
	- Bổ sung có mục tiêu	48.585,6
3	Thu thông qua ngân sách	-
4	Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm trước	43.191,4
5	Thu kết dư ngân sách năm trước	14.991,9
II	<u>Chi ngân sách cấp huyện</u>	285.409,9
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện theo phân cấp (không kể bổ sung cho ngân sách xã)	192.389,6
2	Bổ sung ngân sách xã	46.946,3
	- Bổ sung cân đối	11.314,0
	- Bổ sung có mục tiêu	35.632,3
	Trong đó vốn XD CB ngoài nước	-
3	Chi thông qua ngân sách	-
4	Chi chuyển nguồn	41.772,0
5	Chi hoàn trả các khoản thuế	212,7
6	Chi nộp NS cấp trên	4.089,3
B	<u>Ngân sách xã</u>	
I	<u>Nguồn thu ngân sách xã</u>	57.738,2
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	3.785,5
	- Các khoản thu ngân NS xã hưởng 100%	2.108,5
	- Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	457,7
	- Thu quản lý qua ngân sách	1.219,3
2	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước	4.125,1
3	Thu kết dư ngân sách năm trước	2.881,3
4	Bổ sung từ ngân sách cấp huyện	46.946,3
	- Bổ sung cân đối	11.314,0
	- Bổ sung có mục tiêu	35.632,3
	Trong đó vốn XD CB ngoài nước	-
II	<u>Chi ngân sách xã</u>	50.860,6

**QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN
NAM 2016**

(Kèm theo Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 28/8/2017 của UBND huyện Ia Pa)

Đvt: triệu đồng.

STT	Chỉ tiêu	Quyết toán
A	<u>Thu NSNN trên địa bàn</u>	13.464,7
I	<u>Các khoản thu từ thuế</u>	7.264,0
1	Thuế giá trị gia tăng	2.900,0
-	- Thuế GTGT hàng sản xuất trong nước	2.900,0
2	Thuế TTĐB hàng sản xuất trong nước	1,0
3	Thuế xuất khẩu	-
4	Thuế nhập khẩu	-
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu	-
6	Thu chênh lệch giá hàng nhập khẩu	-
7	Thuế thu nhập doanh nghiệp	289,9
8	Thuế chuyển thu nhập ra nước ngoài	-
9	Thuế tài nguyên	360,5
10	Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao	1.025,2
11	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-
12	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	3,0
13	Thuế nhà đất	-
14	Thuế chuyển quyền sử dụng đất	-
15	Thuế môn bài	194,2
16	Thu khác của thuế	2.490,2
II	<u>II/ Các khoản phí và lệ phí</u>	1.044,8
1	Lệ phí trước bạ	597,8
2	Phí xăng dầu	-
3	Các loại phí, lệ phí	447,0
III	<u>Các khoản thu khác còn lại</u>	3.936,5
1	Thu tiền thuê đất, mặt đất mặt nước	850,6
2	Thu giao quyền sử dụng đất	-
3	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-
4	Thu thanh lý tài sản	-
5	Thu quỹ đất công ích, hoa lợi CS,...của NS xã	475,7
6	Thu sự nghiệp do xã quản lý- sạp chợ	271,9
7	Thu hồi các khoản chi năm trước	243,9
8	Thu vi phạm lâm luật	80,9
9	Thu bán cây đứng	-
10	Thu phạt ATGT	917,7
11	Thu khác	1.095,7
IV	<u>Các khoản thu thông qua ngân sách</u>	1.219,3
1	Thu đóng góp tự nguyện	1.219,3
2	Học Phí	-
V	<u>Thu viện trợ không hoàn lại</u>	-
B/	<u>Thu NS huyện được hưởng theo phân cấp</u>	9.760,3

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 của UBND huyện Ia Pa)



Đvt: triệu đồng.

STT	Chỉ tiêu	Quyết toán
	<u>Tổng chi ngân sách</u>	289.324,2
I	Chi đầu tư phát triển	24.280,9
	Trong đó:	-
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
2	Chi khoa học công nghệ	-
II	Chi thường xuyên	213.934,7
	Trong đó:	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	118.184,5
2	Chi khoa học công nghệ	450,6
III	Chi thông qua ngân sách	1.219,3
IV	Dự phòng	-
VI	Các khoản chuyển nguồn	45.587,2
VII	Chi hoàn trả	212,7
VIII	Chi nộp NS cấp trên	4.089,3

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 28/ 8 / 2017 của UBND huyện Ia Pa)

Đvt: triệu đồng.

STT	Chi tiêu	Quyết toán
	Tổng chi ngân sách cấp huyện	281.107,9
I	Chi đầu tư phát triển	21.121,3
1	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản	19.029,4
	Tr. đó: Chi GD-ĐT và dạy nghề	
2	Vốn đầu tư phát triển khác	2.091,8
-	Chương trình 134-1592/QĐ-TTg	
-	Nộp quỹ phát triển đất tỉnh	
-	Chi đầu tư từ nguồn vốn khác	2.091,8
II	Chi thường xuyên	171.268,4
1	Chi quốc phòng	1.930,3
2	Chi an ninh	1.287,4
3	Sự nghiệp giáo dục, dạy nghề	118.093,7
4	Chi sự nghiệp y tế - Chữ thập đỏ	2.184,3
5	Chi khoa học công nghệ	450,6
6	Chi bảo vệ môi trường	1.858,3
7	Chi Sự nghiệp văn hóa, Phát thanh truyền hình	2.374,5
8	Chi thể dục thể thao	190,4
9	Chi đảm bảo xã hội	5.265,2
10	Sự nghiệp kinh tế	10.607,9
11	Chi quản lý hành chính	26.844,1
12	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia và chi có mục tiêu (vốn sự nghiệp) từ NSTW	141,6
13	Chi khác ngân sách	40,0
III	Các khoản chi khác (nộp trả NS tỉnh)	4.089,3
IV	Chi hoàn trả ngân sách	212,7
IV	Chi từ nguồn thu để lại đơn vị chi ql qua nsnn	
V	Chi bổ sung cho ngân sách cấp xã	46.946,3
VI	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	41.772,0

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
THUỘC CẤP HUYỆN NĂM 2016**

(Kèm theo Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 28/8/2017 của UBND huyện Ia Pa)

Đơn: triệu đồng.

STT	TÊN ĐƠN VỊ	QUYẾT TOÁN NĂM 2016											CHI THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ, MỤC TIÊU KHÁC
		TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN		CHI THUƯỜNG XUYÊN					CHI CT MỤC TIÊU QUỐC GIA			
			TỔNG	Tr. đó	TỔNG	GỒM:				TỔNG	GỒM:		
				CHI CHO GIÁO DỤC		CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	CHI SỰ NGHIỆP	CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI	LĨNH VỰC KHÁC		CT NÔNG THÔN MỚI	CHƯƠNG TRÌNH SEQAP	
	TỔNG SỐ	-	-	-	164.186	27.345	128.657	2.968	5.216	787	-	787	-
I	Các cơ quan đơn vị của huyện	-	-	-	159.878	23.037	128.657	2.968	5.216	787	-	787	-
1	Phòng Lao động - TB và Xã hội huyện Ia Pa	-			4.182	1.239	52	2.829	62	-			
2	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Ia Pa	-			1.240	546	694		-	-			
3	Phòng Y tế huyện Ia Pa	-			839	839	-		-	-			
4	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú huyện Iapa	-			6.799		6.799		-	-			
5	Công an huyện	-			1.287		-		1.287	-			
6	Huyện đội	-			1.976				1.976	-			
7	Ban Quản lý các dự án đầu tư XDCB huyện Ia Pa	-			1.788				1.788	-			
8	Văn phòng HĐND và UBND Huyện Ia Pa	-			5.160	4.991	156		13	-			
9	Phòng Nông nghiệp và PTNT Huyện Ia Pa	-			3.092	1.208	1.804		80	-			
10	Phòng Tài chính - Kế hoạch Huyện Ia Pa	-			1.597	1.467	130		-	-			
11	Phòng Tài nguyên và Môi trường Huyện Ia Pa	-			1.441	959	481		-	-			
12	Phòng Tư pháp Huyện Ia Pa	-			507	507	-		-	-			
13	Phòng Thanh tra Huyện Ia Pa	-			671	671	-		-	-			
14	Phòng Văn hoá và Thông tin	-			2.050	492	1.558		-	-			
15	Phòng Nội vụ Huyện Ia Pa	-			1.746	1.682	5	59	-	-			
16	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hoá Gia đình	-			1.279	24	1.174	80	-	-			
17	Văn phòng Huyện uỷ Huyện Ia Pa	-			5.912	5.912	-		-	-			
18	Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện Ia Pa	-			70.835	1.998	68.837		-	787		787	
19	Trạm Khuyến nông Huyện Ia pa	-			1.819		1.819		-	-			
20	Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị Huyện Ia Pa	-			873		873		-	-			
21	Hội Chữ thập đỏ Huyện Ia Pa	-			420		420		-	-			



22	Đài truyền thanh truyền hình huyện Ia Pa	-			1.025	18	1.007		-	-			
23	Phòng Dân tộc	-			615	484	121		10	-			
24	Trung tâm Giáo dục TX huyện Ia Pa	-			1.686		1.686		-	-			
25	Trường THCS Phan Bội Châu	-			3.986		3.986		-	-			
26	Trường TH Lê Hồng Phong	-			4.146		4.146		-	-			
27	Trường TH Lê Quý Đôn	-			4.760		4.760		-	-			
28	Trường THCS Hai Bà Trưng	-			4.078		4.078		-	-			
29	Trường TH Võ Thị Sáu	-			4.414		4.414		-	-			
30	Trường TH Lê Văn Tám	-			2.929		2.929		-	-			
31	Trường THCS Lương Thế Vinh	-			2.169		2.169		-	-			
32	Trường tiểu học Quang Trung	-			4.489		4.489		-	-			
33	Trường Mẫu giáo Tuổi thơ	-			2.858		2.858		-	-			
34	Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	-			6.020		6.020		-	-			
35	Nhà máy nước huyện Ia Pa	-			1.193		1.193		0	-			
II	Chỉ hoạt động các tổ chức XH& XH nghề nghiệp	-	-	-	4.308	4.308	-	-	-	-	-	-	-
1	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Huyện Ia Pa	-			1.413	1.413	-		-	-			
2	Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Huyện Ia Pa	-			745	745	-		-	-			
3	Hội Liên hiệp Phụ nữ Huyện Ia Pa	-			772	772	-		-	-			
4	Hội Cựu chiến binh Huyện Ia Pa	-			520	520	-		-	-			
5	Hội Nông dân Huyện Ia Pa	-			859	859	-		-	-			



QUYẾT TOÁN CHI XDCB CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH THUỘC NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 28/8/2016 của UBND huyện Ia Pa)

Đơn vị: triệu đồng.

STT	Tên công trình	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Quyết toán năm 2016
1	Trạm y tế xã Chư Răng; hạng mục: Công, hàng rào, giếng khoan	Xã Chư Răng	2016	Công, Tường rào L=145,85m; giếng khoan đường kính 140mm, sâu 85m	350,0	334,6
2	Trường Mẫu giáo Hoa Pơ Lang, xã Chư Răng; hạng mục: Phòng học nghệ thuật	Xã Chư Răng	2016	Phòng học nghệ thuật DTXD: 130m ² ; Sân bê tông DTXD: 170,5m ²	600,0	576,4
3	Đường vào khu sản xuất thôn Ma San, xã Ia Mron; hạng mục: Nền, mặt đường và công trình thoát nước	Xã Ia Mron	2016	L= 1.500,32m; Bn=4m; Bm= 3m; mặt đường BTXM đá 2x4 mác 250 dày 18cm; hệ thống thoát nước	2.300,0	1.866,2
4	Trường mẫu giáo Tuổi Thơ, xã Ia Trôk; hạng mục: Nhà học 02 phòng, phòng hội đồng, phòng ăn và sân bê tông	Xã Ia Trôk	2016	Nhà học 2 phòng, phòng hội đồng và phòng ăn DTXD: 287,9m ² ; sân bê tông DTXD: 435,4m ²	2.700,0	1.641,4
5	Trường Tiểu học Kim Đồng, xã Ia Tul; hạng mục: Nhà học 08 phòng và các hạng mục phụ	Xã Ia Tul	2016	Nhà học cấp III, 2 tầng, 8 phòng DTXD: 306m ² ; sân bê tông DTXD: 296m ²	2.700,0	2.617,3
6	Trường THCS Nay Der, xã Chư Mố; Hạng mục: Nhà học 08 phòng	Xã Chư Mố	2016	Nhà học 8 phòng, 2 tầng, DTXD: 729m ²	3.000,0	380,2
7	Trường mẫu giáo Hoa Sen, xã Ia Trôk; Hạng mục: Nhà học 02 phòng và nhà hiệu bộ	Xã Ia Trôk	2016	Nhà học 02 phòng và nhà hiệu bộ, 2 tầng, DTXD: 232m ² ; sân bê tông DTXD: 43,6m ²	2.400,0	2.162,9
8	Nhà làm việc các phòng ban huyện Ia Pa; Hạng mục: Nhà làm việc 1 cửa liên thông, nhà làm việc các phòng ban và các hạng mục phụ	TT huyện	2016	Bổ sung nhà làm việc 2 tầng, DTXD: 160m ² ; Nhà xe DTXD: 95m ² ; Sân bê tông DTXD: 180m ²	2.300,0	1.738,7
9	Trường THCS Đinh Núp, xã Pờ Tó; Hạng mục: nhà hiệu bộ	Xã Pờ Tó	2016	Nhà hiệu bộ DTXD: 220m ²	1.343,7	1.289,6
10	Đường ra khu sản xuất liên thôn Bôn Lanh-Bôn Biah A-Bôn Tơ Khế, xã Ia Tul; Hạng mục: Nền mặt đường và công trình thoát nước	Xã Ia Tul	2016	L= 753,16m; Bn= 4m; Bm= 3m; mặt đường bê tông xi măng đá 2x4 mác 200; hệ thống thoát nước	1.300,0	821,3
11	Đường ra khu sản xuất liên thôn Đăk Chă-Hoa Sen-Kim Năng I-Kim Năng II, xã Ia Mron; Hạng mục: Nền mặt đường và công trình thoát	Xã Ia Mron	2016	L= 804,64m; Bn= 4m; Bm= 3m; mặt đường bê tông xi măng đá 2x4 mác 200; hệ thống thoát nước	1.300,0	1.025,6



STT	Tên công trình	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Quyết toán năm 2016
12	Đường ra khu sản xuất liên thôn Ma Rin 1, 2, 3+thôn Hlin 1+thôn Đăk Cha, xã Ia Mron; Hạng mục: Nền, mặt đường và công trình thoát nước	Xã Ia Mron	2016	L=753,65m; Bn= 4m; Bm= 3m; mặt đường bê tông xi măng đá 2x4 mác 200; hệ thống thoát nước	1.000,0	942,7
13	Nhà làm việc Huyện ủy; hạng mục: bổ sung nhà làm việc	TT huyện	2016	Bổ sung nhà làm việc; DTXD: 370m2 và thiết bị	3.200,0	3.125,0
14	Trường TH Quang Trung, xã Ia Broai; Hạng mục: Nhà vệ sinh (điểm trường thôn Bôn Jư)	Xã Ia Broai	2016	Nhà vệ sinh	258,3	252,7
15	Trích nộp 30% quỹ đất					254,8
	Tổng				24.752,0	19.029,4



QUYẾT TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH CỦA CÁC XÃ NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số 233/QĐ-UBND ngày 28 / 8 / 2017 của UBND huyện Ia Pa)



Đvt: triệu đồng.

STT	Tên xã	Tổng thu NSNN trên địa bàn các xã	Tổng chi cân đối ngân sách xã	Bổ sung từ ngân sách cấp huyện cho cấp xã		
				Tổng số	Bổ sung cân đối	Bổ sung có mục tiêu
1	Xã Pờ Tó	7.391,4	6.708,9	6.226,5	1.522,0	4.704,5
2	Xã Chư Răng	7.691,3	7.078,9	6.559,7	1.196,0	5.363,7
3	Xã Kim Tân	5.237,0	4.574,2	4.042,6	1.116,0	2.926,6
4	Xã Ia Mơn	7.309,0	5.817,0	4.600,2	1.194,0	3.406,2
5	Xã Ia Trók	7.174,9	6.208,0	5.714,3	1.170,0	4.544,3
6	Xã Ia Broái	5.888,1	6.170,4	6.554,8	1.254,0	5.300,8
7	Xã Ia Tul	7.020,1	5.290,0	4.608,4	1.153,0	3.455,4
8	Xã Chư Mố	5.243,8	4.914,0	4.381,9	1.483,0	2.898,9
9	Xã Ia Kdăm	4.782,7	4.099,0	4.257,9	1.226,0	3.031,9
	Tổng cộng	57.738,2	50.860,4	46.946,3	11.314,0	35.632,3

TỶ LỆ PHẦN TRĂM PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN
SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CẤP XÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG
NHÂN DÂN CẤP TỈNH QUYẾT ĐỊNH NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 28/8/2017 của UBND huyện Ia Pa)

STT	NỘI DUNG CÁC KHOẢN	Tỷ lệ (%) phân chia	
		Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã
I	THU TỪ KHU VỰC CÔNG THƯƠNG NGHIỆP VÀ DỊCH VỤ NQD		
1	Doanh nghiệp ngoài quốc doanh không có vốn tham gia của nhà nước (1)		
a	Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và thu nhập sau thuế thu nhập	100	
b	Thuế môn bài	100	
c	Thuế tiêu thụ đặc biệt từ dịch vụ hàng hóa sản xuất trong nước, thuế tài nguyên (trừ thuế tài nguyên nước thủy điện và thuế tài nguyên sản phẩm rừng tự nhiên), các khoản thu phạt, tịch thu và thu khác của thuế	100	
2	Thu từ hộ kinh doanh cá thể		
a	Thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thu trên địa bàn các phường, thị trấn	30	70
-	Thu trên địa bàn các xã	30	70
-	Thu qua thanh tra, thu qua khâu lưu thông hoặc thu các đối tượng không xác định địa bàn xã, phường, thị trấn	100	
b	Thuế môn bài		
-	Thu trên địa bàn các phường, thị trấn		100
-	Thu trên địa bàn các xã		100
c	Thuế tiêu thụ đặc biệt từ dịch vụ hàng hóa sản xuất trong nước; Thuế tài nguyên, các khoản thu phạt, tịch thu và thu khác của thuế		
-	Thu trên địa bàn các phường, thị trấn	30	70
-	Thu trên địa bàn các xã	30	70
-	Thu qua thanh tra, thu qua khâu lưu thông hoặc thu các đối tượng không xác định địa bàn xã, phường, thị trấn	100	
II	THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN		
-	Thu trên địa bàn các phường, thị trấn	30	70
-	Thu trên địa bàn các xã	30	70
III	THUẾ NHÀ ĐẤT		
-	Thu trên địa bàn các phường, thị trấn		100
-	Thu trên địa bàn các xã		100
IV	THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP CỦA CÁC DOANH NGHIỆP KHÔNG CÓ VỐN THAM GIA CỦA NHÀ NƯỚC; HỢP TÁC XÃ; HỘ KINH DOANH CÁ THỂ; ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP DO CẤP HUYỆN; XÃ QUẢN LÝ		
-	Thu trên địa bàn các phường, thị trấn		100
-	Thu trên địa bàn các xã		100
V	LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ		
1	Lệ phí trước bạ (không kể trước bạ nhà, đất)	100	
2	Lệ phí trước bạ nhà đất		
-	Thu trên địa bàn các phường, thị trấn	30	70
-	Thu trên địa bàn các xã	30	70
VI	TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TIỀN THU ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT		
1	Tiền sử dụng đất, tiền đầu giá quyền sử dụng đất từ các dự án do ngân sách huyện đầu tư thực hiện	100	
2	Tiền sử dụng đất, tiền đầu giá quyền sử dụng đất (không thuộc các dự án) do huyện, thị xã, thành phố thu	100	
VII	THU PHẠT VI PHẠM TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG		
1	Do các cơ quan cấp huyện, công an huyện, thành phố xử lý	9	



STT	NỘI DUNG CÁC KHOẢN	Tỷ lệ (%) phân chia	
		Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã
2	Do Ủy ban nhân dân và lực lượng cấp xã xử lý		30
VIII	CÁC KHOẢN THU CÒN LẠI		
1	Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng 100% (2)	100	
2	Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100% (3)		100

Ghi chú

- 1/ Doanh nghiệp ngoài quốc doanh không có vốn tham gia của nhà nước: Bao gồm kinh tế tập thể (hợp tác xã, tổ hợp tác), các doanh nghiệp ngoài quốc doanh (không có vốn tham gia của Nhà nước), đơn vị sự nghiệp do cấp huyện cấp xã quản lý (kể cả đơn vị do Chi cục thuế quản lý thu).
- 2/ Các khoản thu ngân sách huyện hưởng 100% gồm: Thu khấu hao cơ bản nhà và tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước do cấp huyện, cấp xã quản lý; Tiền cho thuê mặt đất mặt nước do ngân sách cấp huyện đầu tư và do cơ quan cấp huyện quản lý; Tiền thuê nhà, thuê quầy bán hàng do cơ quan cấp huyện quản lý; Thu phí và lệ phí (phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật) của các đơn vị cấp huyện quản lý; Thu tiền đền bù thiệt hại đất do cấp huyện, cấp xã quản lý, thu sự nghiệp, thu thanh lý tài sản và thu khác của các đơn vị do cấp huyện quản lý; Thu phạt và tịch thu (trừ thu phạt vi phạm an toàn giao thông) do các cơ quan huyện xử lý (kể cả Hạt kiểm lâm); Thu từ huy động đóng góp, thu viện trợ do các cơ quan cấp huyện quản lý thực hiện, thu bổ sung ngân sách cấp huyện, thu kết dư ngân sách cấp huyện, thu chuyển nguồn từ ngân sách năm trước sang năm sau của cấp huyện. Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên.
- 3/ Các khoản thu ngân sách xã hưởng 100% bao gồm: Tiền cho thuê mặt nước do UBND cấp xã quyết định; Tiền thuê nhà, thuê quầy bán hàng do UBND cấp xã quản lý; Thu đất công ích và hoa lợi công sản do xã quản lý; Thu phí và lệ phí phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật) của các bộ phận do cấp xã quản lý; Thu sự nghiệp, thu thanh lý tài sản và thu khác do cấp xã quản lý; Thu phạt tịch thu (trừ phạt vi phạm trật tự an toàn giao thông) do xã quản lý; Thu huy động đóng góp, thu viện trợ do cấp xã quản lý thực hiện; Thu bổ sung ngân sách cấp xã, Thu kết dư ngân sách cấp xã, thu chuyển nguồn từ ngân sách năm trước sang năm sau của cấp xã.

